

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----***-----

HỢP ĐỒNG MUA BÁN THAN

Số: 45 /2014 /AHP-GELE

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 của Quốc hội Nước Cộng hoà XHCN Việt Nam có hiệu lực áp dụng từ ngày 1 tháng 1 năm 2006;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 của Quốc hội Nước Cộng hoà XHCN Việt Nam có hiệu lực áp dụng từ ngày 1 tháng 1 năm 2006;
- Căn cứ vào các văn bản hướng dẫn thi hành luật của các bộ, ngành và các quy định của Tập đoàn công nghiệp than – khoáng sản Việt Nam;
- Căn cứ nhu cầu sử dụng than của Bên mua và khả năng cung cấp than của Bên bán, nguồn than của Vinacomin hoặc Tổng công ty than Đông Bắc – Bộ Quốc Phòng.

Hôm nay, ngày 25 tháng 04 năm 2014, đại diện cho hai Bên ký hợp đồng, chúng tôi gồm:

Bên Mua : **CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY AN HÒA**
Địa chỉ : Thôn An Hòa, Xã Vĩnh Lợi, huyện Sơn Dương, Tuyên Quang
Điện thoại : 027.6257184 Fax: 027.6257188
Mã số thuế : 5000219471
Tài khoản : 10201 000 108 3468
Tại : Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Tuyên Quang
Đại diện : Ông Phan Anh Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc
Giấy ủy quyền: số 47/UQ-AHP ngày 19/03/2013 do chủ tịch HĐQT Vũ Văn Tiền ký

Bên Bán : **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI GELEXIM**
Địa chỉ : Tầng 6, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, phường Ô chợ Dừa, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội
Điện thoại : 04.35133437 Fax: 04.35133438
Mã số thuế : 0104956819
Tài khoản : 0771186689999
Tại : Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Điện Biên Phủ
Đại diện : Lê Quốc Tuấn Chức vụ: Tổng Giám đốc

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp hàng hoá với những điều khoản sau:

Điều 1: Tên hàng, số lượng, đơn giá, xuất xứ

TT	Tên hàng	Số lượng (tấn)	Xuất xứ	Đơn giá (VND/tấn)
1	Than cám 6b HG	Theo từng Bàn xác nhận đặt hàng của Bên Mua	Hòn Gai, Quảng Ninh	1.376.000

Đơn giá trên chưa bao gồm VAT, đã bao gồm chi phí vận chuyển, bốc dỡ, chi phí kiểm định theo lô hàng và tất cả các loại phí khác liên quan đến việc cung cấp than tại kho của Bên Mua.

Các bên đàm phán điều giá cả trong trường hợp giá thị trường có thay đổi và / hoặc biểu giá được ban hành hoặc phê duyệt bởi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thay đổi.

Khối lượng thanh toán được xác định theo công thức sau:

$$G_q = G_t \times \frac{100 - W^{tp}_t}{100 - W^{tp}_0}$$

Trong đó:

- G_q : Khối lượng thanh toán tương ứng độ ẩm trung bình của than.
- G_t : Khối lượng than thực tế giao nhận qua cân điện tử của Bên Mua.
- W^{tp}_t : Độ ẩm thực tế của than theo phân tích của Bên Mua.
- W^{tp}_0 : Độ ẩm trung bình của than theo TCVN.

Điều 2. Chất lượng hàng hóa

Áp dụng theo TCVN 8910:2011 như sau, trừ trường hợp các bên thỏa thuận khác được nêu trong Bản xác nhận đặt hàng

Loại than	Cỡ hạt mm	Tỉ lệ cỡ hạt khi giao nhận ban đầu không lớn hơn %	Độ tro khô A^k %		Hàm lượng ẩm toàn phần W^{tp} %		Chất bốc khô V^k %	Lưu huỳnh chung khô S^k_{ch}		Trị số tỏa nhiệt toàn phần khô Q^k_{gr} cal/g
			Trung bình	Giới hạn	Trung bình	Không lớn hơn		Trung bình	Không lớn hơn	
Than cám 6b HG-CP	≤ 15	Trên cỡ 5	42,5	40,01 ÷ 45	8	12	6,5	0,65	0,9	≥ 4.350

Điều 3: Địa điểm và Phương thức giao nhận

3.1. Thời gian nhận hàng: Buổi sáng 07:30 đến 12:00, Buổi chiều: 13:00 đến 16:30, trừ những trường hợp khác theo yêu cầu thực tế của Bên Mua có qui định riêng.

3.2. Địa điểm giao nhận: Tại kho Công ty cổ phần Giấy An Hòa, thôn An Hòa, xã Vĩnh Lợi, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

3.3. Giao nhận về khối lượng:

3.3.1. Hàng được xác định qua cân điện tử.

3.3.2. Hàm lượng ẩm toàn phần W^{tp} % : là độ ẩm thực tế khi giao nhận, nhưng không được lớn hơn 12%.

3.3.3. Hàm lượng ẩm toàn phần W^{tp} % được Phòng quản lý chất lượng của Bên Mua xác định bằng cách phân tích mẫu lấy trên các phương tiện vận tải của Bên Bán theo từng ngày giao hàng. Kết quả phân tích này được thông báo cho Bên Bán trong vòng 24h kể từ khi lấy mẫu và là cơ sở tính khối lượng thanh toán G_q .

3.3 Giao nhận về chất lượng:

3.3.1. Lấy mẫu và chuẩn bị mẫu: Đại diện hai Bên cùng tiến hành lấy mẫu trên phương tiện ô tô của Bên Bán tại kho Bên Mua. Mẫu được tính bình quân cho từng lô hàng từ 300 đến 700 tấn, được chia thành 4 gói và được đại diện hai Bên ký niêm phong, sau đó đánh số từ 1 đến 3: Bên Mua giữ hai gói số 1, số 2 và số 3, Bên Bán giữ một gói số 4. Trường hợp lấy mẫu để phân tích độ ẩm có quy định riêng tại Điều 3 Mục 3.3.3.

3.3.2. Phòng Quản lý chất lượng của Bên Mua phân tích gói số 1 và lập Phiếu chứng nhận chất lượng để gửi cho Bên Bán trong thời gian 72 giờ kể từ khi lấy mẫu. Kết quả phân tích chất lượng của phòng Quản lý chất lượng Bên Mua là cơ sở quyết định chất lượng lô hàng. Trường hợp Bên Mua không tự kiểm tra tại Phòng thí nghiệm của mình thì Biên bản giám định của một đơn vị giám định là cơ sở thay cho Phiếu chứng nhận chất lượng.

Các chỉ tiêu thể hiện trong Phiếu chứng nhận kết quả phân tích gồm:

- (1) Độ tro khô A^k %
- (2) Chất bốc khô V^k %
- (3) Trị số tỏa nhiệt toàn phần khô Q_{gr}^k cal/g
- (4) Lượng hạt ≥ 15 mm trên sàng

3.3.3. Trường hợp Bên Bán không thống nhất với Phiếu chứng nhận chất lượng của Phòng QLCL Bên Mua Mẫu số 3 sẽ được Hai Bên đưa đi giám định tại một trong các đơn vị giám định sau: Phòng thí nghiệm phân tích của Viện địa chất khoáng sản, Trung tâm giám định chất lượng thuộc Vinacomin, Vinacontrol, SGS. Kết quả giám định của các đơn vị này có giá trị pháp lý cuối cùng, Bên có lỗi chịu chi phí giám định.

3.3.4. Bên Mua có quyền kiểm tra chỉ tiêu Lưu huỳnh chung khô S_{ch}^k % từ mẫu số 2 bằng cách chọn một trong các đơn vị giám định sau: Phòng thí nghiệm phân tích của Viện địa chất khoáng sản, Trung tâm giám định chất lượng thuộc Vinacomin, Vinacontrol, SGS, hoặc 1 đơn vị khác có năng lực, chức năng giám định chỉ tiêu này. Kết quả giám định của các đơn vị này có giá trị pháp lý khiếu nại Bên Bán.

3.3.5. Mẫu không còn nguyên niêm phong thì kết quả giám định không có giá trị để xác định chất lượng lô hàng. Trong trường hợp này, các chỉ tiêu ghi trong Giấy chứng nhận giám định chất lượng cấp kèm theo lô hàng là căn cứ để xác định chất lượng.

3.3.6. Trường hợp Bên Bán không giao đúng chất lượng Quy định trong Hợp đồng, các Bên sẽ thỏa thuận về mức bồi thường của Bên Bán. Nếu không thỏa thuận được, Bên Mua có quyền từ chối lô hàng không đạt chất lượng.

3.4. Thời gian, tiến độ giao nhận: Được nêu trong Bản xác nhận đặt hàng.

3.4.2. Trước ngày 20 hàng tháng, Bên Mua gửi đăng ký khối lượng chi tiết của tháng kế tiếp. Căn cứ nhu cầu của Bên Mua, Bên Bán sẽ cân đối và thông báo bằng văn bản cho Bên Mua trong vòng 03 ngày kể từ ngày Bên Mua đăng ký khối lượng. Nếu Bên Mua không gửi đăng ký nhu cầu than thì được coi là Bên Mua không có yêu cầu nhận than của tháng kế tiếp, trong trường hợp này Bên Bán được quyền từ chối giao than và không chịu trách nhiệm về việc thiếu than cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Bên Mua.

3.5. Thông báo giao hàng: Bên Bán thông báo giao hàng trước hai ngày cho Bên Mua bằng fax hoặc e-mail.

Điều 4. Thanh toán

Bên Mua sẽ thanh toán một lần 100% giá trị cho từng lô hàng trong vòng 30 ngày kể từ ngày kết thúc lô hàng và đủ bộ hồ sơ thanh toán bao gồm:

- 4.1. Hóa đơn GTGT bản gốc liên 2
- 4.2. Biên bản giao nhận hàng hóa (bản gốc)
- 4.3. Giấy chứng nhận chất lượng do 1 đơn vị giám định độc lập cấp kèm theo lô hàng (bản gốc)
- 4.4. Phiếu chứng nhận kết quả phân tích của phòng Quản lý chất lượng Bên Mua
- 4.5. Giấy chứng nhận nguồn gốc than Hòn Gai của Tổng công ty than Đông Bắc cấp cho từng lô hàng (bản gốc).

Hình thức thanh toán: Bằng chuyển khoản

Điều 5. Trách nhiệm của các bên

5.1. Trách nhiệm Bên Mua:

- 5.1.1. Kiểm tra, xác nhận số lượng và chất lượng hàng hóa Bên Bán.
- 5.1.2. Thanh toán đúng theo Điều 4 của Hợp đồng. Trong trường hợp thanh toán chậm, Bên Mua chịu phạt 0,3% trị giá Hợp đồng cho một ngày thanh toán chậm, nhưng tổng số tiền phạt không vượt quá 3% trị giá Hợp đồng.

5.2. Trách nhiệm Bên Bán:

- 5.2.1. Thực hiện toàn bộ phạm vi công việc như quy định trong Hợp đồng với chi phí của Bên Bán.
- 5.2.2. Bên Bán có trách nhiệm chuẩn bị hàng hóa về giao cho Bên Mua theo các đơn đặt hàng cụ thể được hai Bên thống nhất. Trường hợp không có hàng hoặc không đáp ứng thời gian giao hàng, Bên Bán phải thông báo cho Bên Mua chậm nhất 03 ngày kể từ ngày Bên Mua đặt hàng.
5.2.2. Đảm bảo giao hàng đầy đủ và đúng chủng loại cho Bên Mua theo đúng tiến độ Hợp đồng. Trong trường hợp giao hàng chậm hoặc không giao, Bên Bán chịu phạt 0,3% trị giá Hợp đồng cho một ngày giao hàng chậm hoặc không giao, nhưng tổng số tiền phạt không vượt quá 3% trị giá Hợp đồng.
- 5.2.3. Bên Bán chịu trách nhiệm về nguồn gốc và tính hợp pháp của than. Trong trường hợp kiểm tra của cơ quan chức năng, Bên Bán phải giải trình trực tiếp bằng thời gian, bằng chứng, nhân lực và chi phí của mình.

Điều 6. Trường hợp bất khả kháng

Sự kiện Bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như động đất, bão, lũ lụt, lốc, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn, chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh... và các thảm họa khác không lường trước được hoặc ngăn cấm của cơ quan

có thẩm quyền của Việt Nam. Khi sự kiện bất khả kháng xảy ra, các bên sẽ thông báo cho nhau ngay bằng văn bản để tiến hành tháo gỡ và giải quyết.

Điều 7. Giải quyết tranh chấp

7.1. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, nếu có sự tranh chấp nào xảy ra, hai bên sẽ cố gắng giải quyết vấn đề trên tinh thần đàm phán và hợp tác.

7.2. Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh liên quan đến hợp đồng này mà hai bên không thể giải quyết được bằng thương lượng thì sẽ được giải quyết tại Tòa án kinh tế tỉnh Tuyên Quang. Phán xét của Tòa án kinh tế sẽ là ràng buộc cuối cùng cho các bên.

Điều 8. Các điều khoản chung

8.1. Hợp đồng này có hiệu lực trong vòng 1 năm kể từ ngày ký. Bất kỳ sự thay đổi hay sửa đổi nào trong hợp đồng này phải bằng văn bản và được sự đồng ý của cả hai Bên.

8.2. Trường hợp Bên Mua cần mua cho các lần sử dụng lâu dài. Hợp đồng này là cơ sở xác định các điều kiện mua bán cho Hợp đồng nối tiếp sau đó.

8.3. Hợp đồng được lập thành 04 bản bằng Tiếng Việt, mỗi bên giữ 02 bản, có giá trị hiệu lực như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN BÁN

ĐẠI DIỆN BÊN MUA



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Quốc Tuấn



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Dhan Anh